HOÀN THIỆN ỨNG DỤNG TIN HỌC TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG VIỆT NAM

Lê Việt Hà*

Ngày nhận: 27/10/2014
Ngày nhận bản sửa: 6/11/2014
Ngày duyệt đăng: 25/11/2014

Tóm tắt:

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng gia tăng, việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán đã trở thành phổ biến. Tin học hóa kế toán không chỉ giải quyết vấn đề xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, thuận lợi mà còn làm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán. Bài viết tập trung vào nghiên cứu và tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng tin học trong công tác kế toán tại doanh nghiệp xây dựng Việt Nam. Kết quả phân tích định lượng thông qua 122 phiếu khảo sát cho thấy doanh nghiệp xây dựng cần thiết phải chuẩn hóa dữ liệu và lựa chọn cài đặt phần mềm trong việc hỗ trợ các thao tác kế toán hoặc triển khai hệ thống thông tin kế toán nhằm đáp ứng mọi nhu cầu quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Từ khóa: doanh nghiệp xây dựng, hệ thống thông tin kế toán, phần mềm kế toán.

Improving computing applications in accounting work in the Vietnam construction companies

Abstract:

In the context of globalization and increasingly international economic integration, the application of computerizing in accounting has become more popular. Computerization of accounting not only solves the problem of processing and providing information quickly, conveniently, but also increases the productivity, improves the efficiency of accounting activity. This paper aims to analyze and find out factors that affect the decision of applying computing applications in accounting work for the Vietnamese construction companies. The results of quantitative analysis through a survey of 122 questionnaires show that Vietnamese construction companies have a high demand for standardizing accounting data as well as choosing accounting softwares in order to support for accounting work or implementing an accounting information system to meet the requirement of business finance management.

Keywords: Construction company, accounting information system, accounting software.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn hội nhập kinh tế thế giới hiện nay, doanh nghiệp Việt Nam không chỉ chịu sức ép cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước mà từ các tập đoàn đa quốc gia hùng mạnh cả về vốn, thương hiệu và trình độ quản lý. Giải pháp tối ưu được nhiều doanh nghiệp sử dụng là triển khai phần mềm kế toán nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính kế toán. So với các ngành sản xuất khác, ngành xây dựng Việt Nam có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật đặc trưng, được thể hiện rất rõ ở sản phẩm xây dựng và quá trình tạo ra sản phẩm. Thông tin kế toán xây dựng phải được xử lý và lưu trữ chính xác, phù hợp với các nguyên tắc của ngành và giảm được những sai sót ngoài ý muốn. Trải qua hàng chục năm, ứng dụng tin học với phần mềm kế toán từ mức đơn giản như Excel tới phức tạp như hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp *(Enterprise Resource Planning - ERP)*, doanh nghiệp nhận thức rõ tầm quan trọng của hệ thống thông tin kế toán trong hoạt động quản lý tài chính. Do vậy, việc nhận diện những nhân tố cụ thể ảnh hưởng tới quyết định ứng dụng tin học trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam là hết sức cần thiết.

2. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Hiện nay, nhiều tác giả đã áp dụng mô hình TAM (*Technology Acceptance Model*) làm cơ sở trong các nghiên cứu về ứng dụng tin học và công nghệ thông tin trong doanh nghiệp. Davis (1989) cho rằng mô hình TAM là mô hình tổng quát trong việc biểu diễn các nhân tố ảnh hưởng tới việc chấp nhận ứng dụng tin học trong doanh nghiệp. Một số nghiên cứu điển hình dựa trên mô hình TAM như:

Thong (1999) đã xây dựng mô hình ứng dụng phần mềm trong các doanh nghiệp nhỏ tại Singapore. Theo kết quả nghiên cứu của Thong, bốn nhân tố tác động đến quyết định sử dụng phần mềm trong doanh nghiệp là: đặc điểm lãnh đạo, đặc điểm của phần mềm, đặc điểm doanh nghiệp và đặc điểm môi trường.

Dựa trên việc kế thừa các công trình nghiên cứu trước đó, DeLone và McLean (2003) đã đề xuất mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định triển khai hệ thống thông tin thành công trong doanh nghiệp. Trong đó, chất lượng hệ thống, chất lượng thông tin, chất lượng dịch vụ và đào tạo tác động tích cực đến quyết định ứng dụng hệ thống thông tin và ảnh hưởng đến lợi ích ròng cũng như sự thỏa mãn của người sử dụng.

Trong nghiên cứu của Lê Văn Huy (2004) về mô hình ứng dụng thương mại điện tử tại các doanh nghiệp Việt Nam đã đề xuất 16 nhân tố tác động đến việc triển khai thương mại điện tử ở các doanh nghiệp Việt Nam. Các nhân tố này được chia thành bốn nhóm nhân tố chính gồm: đặc điểm của người lãnh đạo, các nhân tố về tổ chức, các nhân tố về đổi mới công nghệ và các nhân tố bên ngoài.

2.2. Cơ sở lý thuyết về ứng dụng tin học trong doanh nghiệp xây dựng

Bùi Quang Hùng (2012, tr.8) nêu rõ "hệ thống

Hình 1: Quy trình xử lý hệ thống thông tin kế toán

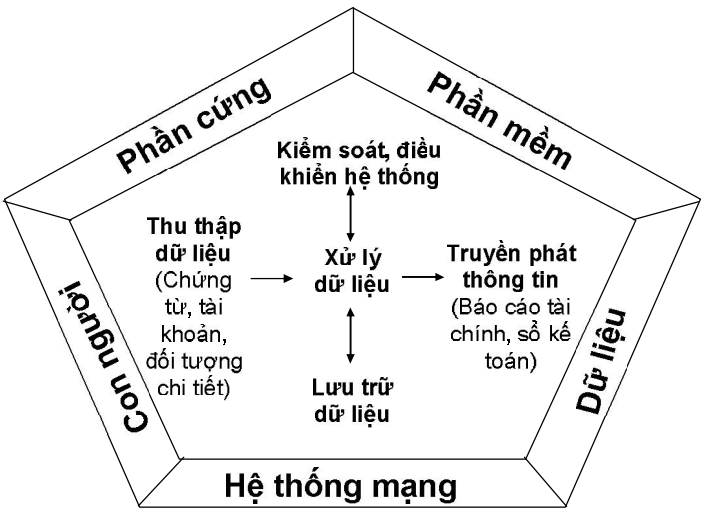

Nguồn: Bùi Quang Hùng (2012, tr.8).

thông tin kế toán là tập hợp con người cùng các thủ tục phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu kế toán nhằm mục đích thu thập, xử lý, lưu trữ và truyền phát thông tin kế toán". Hệ thống thông tin kế toán thực hiện các thủ tục kế toán nhằm xây dựng báo cáo tài chính, bảng biểu cân đối kế toán.

Quy trình xử lý hệ thống thông tin kế toán gồm 5 hoạt động: thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu, kiểm soát và điều khiển hệ thống, lưu trữ thông tin và truyền phát thông tin như trong hình 1.

Mỗi hệ thống thông tin kế toán được triển khai trong doanh nghiệp xây dựng lại có những đặc điểm rất khác nhau trong việc tổ chức cơ sở dữ liệu, quy trình xử lý và cung cấp thông tin. Việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán chính là quá trình triển khai hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Gelinas (2008) chỉ ra 3 cấp độ ứng dụng tin học trong hoạt động kế toán tại doanh nghiệp xây dựng tương ứng với 3 nhóm hệ thống thông tin kế toán sau:

- (1) Hệ thống thông tin kế toán xử lý bán thủ công: ứng dụng tin học trong công tác kế toán với sự trợ giúp của bảng tính Excel;

- (2) Hệ thống thông tin kế toán dạng điều khiển bằng trình đơn: phần mềm kế toán được thiết kế độc lập, không sử dụng chung cơ sở dữ liệu với các phần mềm khác, nội dung chứng từ kế toán sau khi kiểm tra sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu kế toán thông qua giao diện nhập liệu;

- (3) Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP): phần mềm kế toán được coi là hạt nhân trong hệ thống ERP. Phần mềm kế toán được tích hợp, kết nối, chia sẻ và sử dụng chung một cơ sở dữ liệu với các phần mềm khác trong doanh nghiệp. Chứng từ phát sinh tại các bộ phận được cập nhật vào cơ sở dữ liệu thống nhất thông qua mạng máy tính. Nhiệm vụ của kế toán sẽ kiểm tra, đối chiếu và khai thác dữ liệu đã được cập nhật mà không cần nhập liệu chứng từ gốc từ các bộ phận khác chuyển đến.

2.3. Mô hình đề xuất

Dựa trên mô hình lý thuyết TAM (Davis, 1989), đặt trong bối cảnh nghiên cứu các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như hình 2.

Nghiên cứu giả định rằng các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định ứng dụng tin học trong doanh nghiệp xây dựng là: đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc điểm của phần mềm kế toán, chuẩn hóa dữ liệu kế toán, chi phí xây dựng và triển khai hệ thống thông tin kế toán, đổi mới về công nghệ. Quyết định ứng dụng tin học trong doanh nghiệp được cụ thể hóa thông qua các chỉ số đánh giá về mức độ sẵn sàng: sẵn sàng sử dụng phần mềm kế toán, sẵn sàng thực hiện hoạt động nghiệp vụ kế toán theo quy trình chuẩn, sẵn sàng đào tạo nhân viên kế toán, sẵn sàng kinh phí đầu tư cho hệ thống thông tin kế toán.

Có nhiều tiêu chí để phân loại ứng dụng tin học trong doanh nghiệp, tuy nhiên trong nghiên cứu này tác giả tiếp cận theo hai nhóm chính: ứng dụng tin học bộ phận và toàn phần. Ứng dụng tin học bộ phận là hình thức doanh nghiệp chỉ sử dụng một phần mềm kế toán đơn lẻ trong việc hỗ trợ một số thao tác của nhân viên kế toán. Ứng dụng tin học toàn phần là hình thức doanh nghiệp triển khai hệ thống thông

Hình 2: Mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định ứng dụng tin học trong doanh nghiệp xây dựng

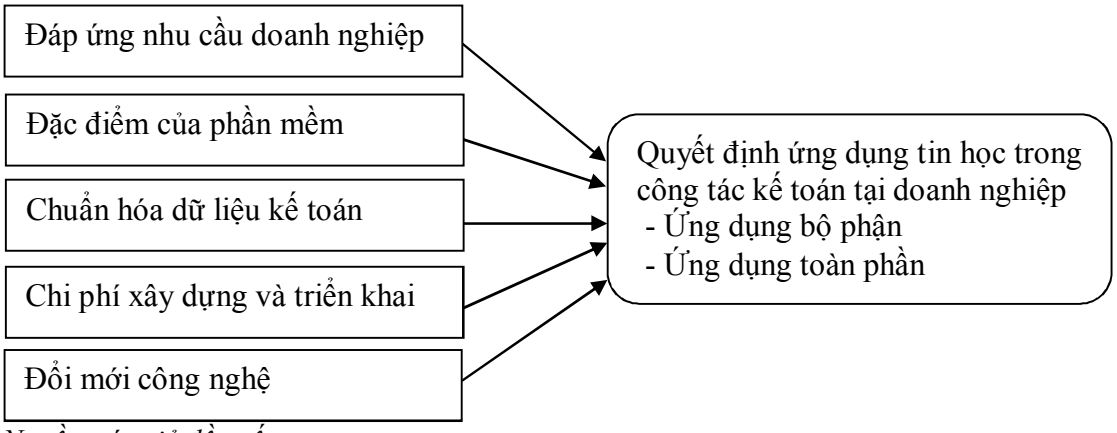

Nguồn: tác giả đề xuất.

tin kế toán cho tất cả các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến tài chính kế toán của doanh nghiệp.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Quy mô mẫu với số phiếu điều tra phát ra là 150, sau khi lọc thì số phiếu hợp lệ để tiến hành nhập liệu là 122. Việc điều tra diện rộng được thực hiện từ tháng 4/2014 đến tháng 6/2014. Đối tượng khảo sát là các nhà quản trị, kế toán trưởng và kế toán viên trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

2.4.1. Phương pháp thu thập thông tin

Dữ liệu được thu thập thông qua phiếu điều tra được phát ngẫu nhiên qua email và qua đường bưu điện. Phiếu điều tra được xây dựng làm hai phần, phần đầu liên quan đến các đặc điểm chung của doanh nghiệp, phần thứ hai thu thập các thông tin liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định ứng dụng tin học trong hoạt động kế toán. Các câu hỏi được thiết kế dưới dạng cho điểm theo thang đo Likert, với 1: rất không đồng ý, 2: không đồng ý, 3: không có ý kiến, 4: đồng ý, 5: hoàn toàn đồng ý. Riêng nhân tố chi phí xây dựng và triển khai được đánh giá như sau 1: nhỏ hơn 50 triệu đồng, 2: trong khoảng 50-100 triệu đồng, 3: trong khoảng 100-200 triệu đồng, 4: trong khoảng 200-300 triệu đồng, 5: trên 300 triệu đồng.

Ngoài ra, tác giả đã tiến hành phỏng vấn chuyên sâu 8 doanh nghiệp xây dựng, gồm: công ty xây dựng Bắc Hà, Thăng Long, công ty xây dựng công

Bảng 1: Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng tin học trong doanh nghiệp

STT	Các nhân tố	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp			
1	Cung cấp đầy đủ thông tin kế toán	4,00	0,943
2	Lập báo cáo theo chuẩn báo cáo của Bộ Tài chính	3,80	0,789
3	Thời gian thực hiện nhanh chóng	3,80	1,549
4	Giảm tỷ lệ sai sót do con người gây ra	4,30	0,823
5	Tăng khả năng kiểm soát nội bộ	3,50	0,850
6	Khả năng tìm kiếm thông tin kế toán	2,10	0,568
Đặc điểm của phần mềm			
1	Phần mềm có đủ chức năng	3,50	0,850
2	Phần mềm dễ sử dụng	4,70	0,483
3	Phần mềm chạy ổn định	4,80	0,422
4	Phần mềm có khả năng tích hợp với các hệ thống khác	3,60	1,350
5	Phần mềm có khả năng nâng cấp	3,90	0,876
6	Phần mềm có tính bảo mật	4,20	0,919
Chuẩn hóa dữ liệu kế toán			
1	Dữ liệu được nhập đầy đủ các trường giá trị	4,10	0,738
2	Dữ liệu được phân loại và mã hóa	4,60	0,516
3	Dữ liệu được lưu trong sổ kế toán tổng hợp	2,50	0,707
4	Định dạng dữ liệu xuất ra	3,00	0,816
5	Dữ liệu được phân quyền truy cập	4,60	0,516
Chi phí xây dựng và triển khai			
1	Chi phí xây dựng (mua) phần mềm kế toán	4,50	0,527
2	Chi phí bảo trì hàng năm	3,80	1,033
3	Chi phí đào tạo người sử dụng hàng năm	1,70	0,675
4	Chi phí nâng cấp phần mềm hàng năm	2,90	1,197
Đổi mới công nghệ			
1	Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật mới	4,10	0,949
2	Nâng cấp trang thiết bị phần cứng và hệ thống mạng	2,60	0,966
3	Khả năng tương thích với phần cứng đã có	2,90	0,994

Nguồn: tác giả tính toán dựa trên kết quả khảo sát.

trình Hoàng Hà, HANCORP, HANDICO, Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1, VINACONEX, LINAMA. Đây là những doanh nghiệp có quy mô hoạt động rộng và đã triển khai hệ thống thông tin kế toán trong nhiều năm liền nhằm làm rõ thêm về đặc điểm doanh nghiệp xây dựng và nhu cầu ứng dụng tin học trong hoạt động kế toán của doanh nghiệp.

2.4.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu sau khi được thu thập sẽ được xử lý thông qua phần mềm SPSS để thống kê mô tả các biến chính và kiểm tra mức độ liên quan giữa các biến phân tích.

3. Kết quả phân tích

3.1. Phân tích tổng quan mẫu

Bảng 1 cho thấy 24 tiêu chí đánh giá về quyết định ứng dụng tin học vào hoạt động kế toán của các doanh nghiệp xây dựng có kết quả chênh lệch nhau. Việc đánh giá điểm trung bình của mỗi chức năng thuộc các nhóm nhân tố khác nhau cho thấy doanh nghiệp sẽ đưa ra quyết định ứng dụng tin học trong hoạt động kế toán phụ thuộc nhiều đến hệ thống thông tin kế toán ở các khía cạnh về: cung cấp đầy đủ thông tin kế toán cho doanh nghiệp, giảm tỷ lệ sai sót do con người gây ra; phần mềm dễ sử dụng, chạy ổn định, có tính bảo mật; dữ liệu được mã hóa, phân quyền truy cập, chi phí xây dựng và mức độ ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới.

3.2. Quan hệ giữa các nhân tố và quyết định ứng dụng tin học trong công tác kế toán

Với Adjusted R^2 = 0,546 và 0,623, kiểm định F Model với SigF < 0,01, có thể thấy mô hình tác giả đề xuất phù hợp với tập dữ liệu khảo sát. Kết quả Bảng 2 chỉ ra các nhân tố đặc điểm phần mềm, chuẩn hóa dữ liệu, chi phí xây dựng và triển khai có quan hệ thuận chiều với quyết định ứng dụng tin học bộ phận. Trong khi đó, nhân tố đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, chuẩn hóa dữ liệu và đổi mới công nghệ có quan hệ thuận chiều với quyết định ứng dụng tin học toàn phần trong doanh nghiệp.

Kết hợp với kết quả phỏng vấn 8 doanh nghiệp nêu trên, tác giả nhận thấy doanh nghiệp xây dựng sẽ quyết định ứng dụng tin học theo 2 hướng:

- Đối với những doanh nghiệp mới thành lập hoặc có quy mô nhỏ, không có đơn vị hoạch toán phụ thuộc, không có chi nhánh hoặc ít lĩnh vực hoạt động và chỉ quan tâm tới việc hỗ trợ một số thao tác tính toán nghiệp vụ kế toán đơn giản, chi phí đầu tư cho ứng dụng tin học không lớn (thường nhỏ hơn 200 triệu đồng) thì họ có xu hướng lựa chọn cài đặt phần mềm kế toán. Cụ thể theo kết quả thống kê, những doanh nghiệp quan tâm tới đặc điểm phần mềm (52,64%), chuẩn hóa dữ liệu kế toán (86,84%) và chi phí xây dựng (55,27%) đều đã sử dụng phần mềm kế toán xây dựng. Phần mềm này cung cấp số liệu kế toán để phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế theo từng mặt cụ thể.

- Đối với doanh nghiệp có quy mô hoạt động lớn, nhiều chi nhánh con hoặc lĩnh vực hoạt động đa dạng và quan trọng hơn là có kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ, đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm sử dụng máy tính, có chiến lược tin học hóa toàn bộ hoạt động nghiệp vụ kế toán thì họ có xu hướng triển khai hệ thống thông tin kế toán. Theo kết quả thống kê, những doanh nghiệp này thường quan tâm tới yếu tố đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (86,85%), quy trình chuẩn hóa dữ liệu (45,21%) và

Bảng 2: Kiểm định hồi quy tương quan

	Quyết định ứng dụng tin học bộ phận	Quyết định ứng dụng tin học toàn phần
Đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp	0,062	0,504
Đặc điểm của phần mềm	0,252	-0,228
Chuẩn hóa dữ liệu kế toán	0,307	0,1002
Chi phí xây dựng và triển khai	0,485	-0,116
Đổi mới công nghệ	0,006	0,443
Adjusted R^2	0,546	0,623
F Model	35,167***	48,296***

*Ghi chú: *** có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.*

Nguồn: tác giả tính toán dựa trên kết quả khảo sát.

Hình 3: Chuẩn hóa quy trình kế toán trên máy tính

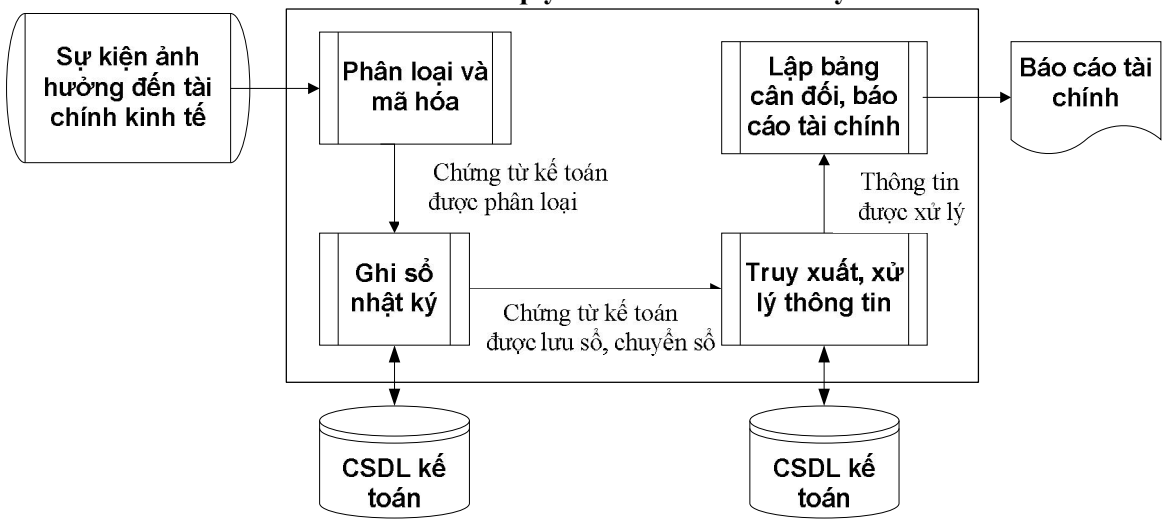

Nguồn: tác giả đề xuất.

nhân tố đổi mới công nghệ (55,26%) mà ít quan tâm tới đặc điểm của phần mềm hay chi phí xây dựng và triển khai.

4. Giải pháp hoàn thiện ứng dụng tin học trong công tác kế toán tại doanh nghiệp xây dựng Việt Nam

Trên cơ sở phân tích kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp xây dựng lựa chọn hình thức ứng dụng tin học trong hoạt động kế toán một cách hiệu quả, cụ thể như sau:

Một là, khảo sát nhu cầu doanh nghiệp. Đây là hoạt động quan trọng để quyết định mức độ ứng dụng tin học bộ phận hay toàn phần trong hoạt động kế toán. Hoạt động này sẽ chỉ ra các lựa chọn tối ưu về mặt kỹ thuật, kinh phí, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Khảo sát chi tiết yêu cầu lập báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách và các hoạt động kế toán khác có trong doanh nghiệp để xây dựng được các định dạng báo cáo theo chuẩn của Bộ Tài chính cũng như hỗ trợ hoạt động kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp.

Hai là, lựa chọn phần mềm phù hợp với doanh nghiệp xây dựng. Để phần mềm phát huy được hiệu quả thiết thực thì ngoài các yêu cầu về tính bảo mật, dễ sử dụng, chạy ổn định, doanh nghiệp cần lựa chọn phần mềm có khả năng nâng cấp và ứng dụng chuẩn mở để tích hợp dễ dàng. Vì kế toán xây dựng là một lĩnh vực phức tạp, qui trình kế toán cũng thường xuyên thay đổi theo nhu cầu công việc nên phần mềm phải linh hoạt, có khả năng nâng cấp và tích hợp với các phần mềm khác để thích ứng với các vấn đề quản lý đặt ra.

Ba là, chuẩn hóa qui trình kế toán trên máy tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố chuẩn hóa dữ liệu có tác động thuận chiều lên cả quyết định ứng dụng tin học bộ phận và toàn phần. Thực tế, các doanh nghiệp xây dựng hiện nay đã ít nhiều ứng dụng tin học nhưng chưa tuân theo một qui trình chặt chẽ. Phần lớn là ứng dụng vào các hoạt động đòi hỏi nhiều tính toán mà chưa có một cơ sở dữ liệu thống nhất. Do vậy, một qui trình ứng dụng chuẩn mực gồm các bước như trong hình 3 là giải pháp cần thực hiện.

Bốn là, đầu tư kinh phí xây dựng và triển khai hệ thống thông tin kế toán. Doanh nghiệp cần có chiến lược dài hạn và chi tiết về kinh phí đầu tư, bao gồm: chi phí bản quyền, chi phí hỗ trợ tư vấn, triển khai, bảo trì phần mềm, chi phí nâng cấp trang thiết bị phần cứng, máy chủ, máy trạm, hệ thống mạng và các thiết bị nhập xuất khác.

Năm là, sẵn sàng tiếp nhận đổi mới công nghệ. Thái độ sẵn sàng tiếp nhận đổi mới công nghệ sẽ tạo xu hướng tích cực trong việc chấp nhận sử dụng hệ thống thông tin kế toán. Mặc dù lợi ích hệ thống này mang lại cho doanh nghiệp là rất lớn nhưng nếu người sử dụng chưa sẵn sàng tiếp nhận thì doanh nghiệp khó có thể triển khai được hệ thống này. Hàm ý giải pháp cho việc hình thành thái độ sẵn sàng đổi mới công nghệ là: tích cực tổ chức các lớp đào tạo tin học kế toán cho người sử dụng; lựa chọn phần mềm kế toán được phát triển dựa trên công nghệ và kỹ thuật mới.

5. Kết luận

Mặc dù còn những hạn chế nhất định do quy mô mẫu khiêm tốn và mẫu được chọn chưa mang tính đại diện cao, bài viết đã làm sáng tỏ phần nào các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định ứng dụng tin học trong công tác kế toán tại doanh nghiệp xây dựng. Đây là công cụ giúp các doanh nghiệp có cái nhìn tổng quát trong việc lập kế hoạch triển khai hệ thống thông tin kế toán. Việc triển khai hệ thống này là một giải pháp cơ bản, lâu dài và sẽ tạo ra một bước phát triển đáng kể trong việc quản lý hoạt động tài chính kế toán tại doanh nghiệp xây dựng Việt Nam.❐

Tài liệu tham khảo

Bùi Quang Hùng (2012), *Bài giảng Hệ thống thông tin kế toán*, Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Davis, F.D. (1989), 'Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology', *MIS Quarterly*, tập 13 số 3, trang 319 đến 339.

DeLone, W.H. và McLean, E. R. (2003), 'The DeLone and McLean Model of Information Systems Success: A Ten-Year Update', *Journal of Management Information Systems*, tập 19 số 4, trang 9 đến 30.

Gelinas, U.J. (2008), *Accounting Information Systems*, Canada, Thomson South-Western.

Thong, James Y.L. (1999), 'An Integrated Model of Information Systems Adoption in Small Businesses', *Journal of Management Information Systems*, tập 15, trang 187 đến 214.

Thông tin tác giả:

***Lê Việt Hà,** Thạc sỹ*

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Hệ thống thông tin kinh tế - Trường Đại học Thương mại

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Hệ thống thông tin kế toán, Phát triển hệ thống thông tin kinh tế

- Tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí KHTN & CN, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: leviethadhtm@gmail.com,